TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Bản án số: 234/2022/DS-PT
Ngày: 21 - 9 - 2022
V/vTranh chấp ranh giới giữa các bất động sản liền kề".

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Thanh Quốc**

Các Thẩm phán: Bà **Phan Thị Hồng Dung**

Bà **Võ Thị Bích Hải**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Huỳnh Minh Đức - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Thủy** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 162/2022/TLPT-DS ngày 04 tháng 07 năm 2022 về việc: "*Tranh chấp ranh giới giữa các bất động sản liền kề"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 44/2022/DSST ngày 17 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số:200/2022/QĐ-PT ngày 25 tháng 07 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Ch** – sinh năm 1965.

Địa chỉ: khu vực Phước L, phường Tân L, quận Thốt Nốt, Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền bà **Hồ Thị Thu Tr**, sinh năm 1981

Địa chỉ: Khu vực Lân Th 1, phường Tr K, quận Th N, C Th.(Theo giấy ủy quyền lập ngày 11/5/2022 tại VPCC Đỗ Như Ph).(Có mặt).

Bị đơn: Bà **Trần Thị H** – sinh năm 1941.

Người đại diện theo ủy quyền ông **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1965

Cùng địa chỉ: KV Phước L, phường Tân L, quận Th N, Cần Thơ.(Có mặt).

(Theo giấy ủy quyền lập ngày 19/8/2022 tại UBND phường Tân L)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông **Nguyễn Văn P** – sinh năm 1950

Địa chỉ: khu vực Phước L, phường Tân L, quận Thốt Nốt, Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền bà **Hồ Thị Thu Tr**, sinh năm 1981

Địa chỉ: Khu vực Lân Th 1, phường Tr K, quận Thốt Nốt, Cần Thơ.(Có mặt).(Theo giấy ủy quyền lập ngày 11/5/2022)

Người kháng cáo: Bị đơn bà Trần Thị H kháng cáo

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn có người đại diện ủy quyền bà Hồ Thị Thu Tr trình bày:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ch được Ủy ban nhân dân quận Th N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02027 ngày 22/4/2013 tại thửa đất số 268, tờ bản đồ số 04, diện tích 335m^2, loại đất: ở 300m^2 và cây lâu năm 35m^2, đất tọa lạc khu vực Phước L, phường Tân L, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ. Nguồn gốc đất là do bà Ch nhận tặng cho của chồng là ông Nguyễn Văn P vào năm vào năm 2013.

Quá trình sử dụng đất giáp với thửa đất số 268 của nguyên đơn là thửa đất số 267 của bị đơn bà Trần Thị H đứng tên, giữa hai thửa đất trước đây có ranh là hàng bông bụp và hàng cây gòn nhưng về sau hàng bông bụp và hàng cây gòn chết không còn, đến năm 2006 khi bà H làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông Nguyễn Văn P có ra chỉ ranh đất giữa các bên cho bà H làm giấy đất. Khi đó các bên có xuống trụ đá với nhau gồm 01 trụ đá phía trước *(nay là trụ đá thứ 2 gia đình bà H trồng làm hàng rào, vị trí trụ đá là điểm bà Ch đã chỉ ranh đất cho đoàn đo đạc hướng từ nhà bà Ch trở ra đường lộ xuống bến đò Tân L – Lai Vung)* và 01 trụ đá phía sau. Sau đó, gia đình bà tiến hành làm hàng rào phía trước do không đủ lưới B40 nên không rào đến hết đất và bơm cát làm lối đi bằng xi măng giữa 02 thửa đất khi đó gia đình bà H có biết nhưng không có khiếu nại hay tranh chấp gì.

Sau đó, đến khoảng năm 2017 gia đình bà H tự ý trồng thêm trụ đá *(nay là trụ đá thứ nhất gia đình bà H trồng làm hàng rào giáp hàng rào gia đình bà Ch, vị trí trụ đá là điểm bà H đã chỉ ranh đất cho đoàn đo đạc hướng từ nhà bà Ch trở ra đường lộ xuống bến đò Tân L – Lai Vung)* lấn qua phần đất của gia đình bà. Sau đó, nguyên đơn bà Ch có yêu cầu bà H trả lại hiện trạng đất theo trụ ranh trước đây nhưng bà H không đồng ý nên các bên P sinh tranh chấp, sự việc được chính quyền địa phương giải quyết nhưng không thành.

Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn bà Trần Thị H phải có trách nhiệm trả lại cho bà phần diện tích đất lấn chiếm có diện tích 12,2m^2 thuộc thửa đất số 268 do bà Nguyễn Thị Ch đứng tên chủ sử dụng. Hiện nay phần đất tranh chấp có hiện trạng lối đi bằng xi măng trên đất tranh chấp là do gia đình bà Ch quản lý sử dụng, còn đoạn từ lối đi bằng xi măng ra phía trước lộ nông thôn trên đất tranh chấp hiện nay do gia đình bà H quản lý sử dụng.

Đại diện ủy quyền bị đơn trình bày:

Bị đơn bà Trần Thị H được Ủy ban nhân dân huyện Thốt Nốt (cũ) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số "H"01072 ngày 09/10/2006 tại thửa đất số 267, tờ bản đồ số 04, diện tích 345m^2, loại đất: ở 300m^2 và cây lâu năm 45m^2, đất tọa lạc ấp Phước L, xã Tân L, huyện Thốt Nốt (nay là khu vực Phước L, phường Tân L, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ). Nguồn gốc đất do bà H mua lại của ông Nguyễn Văn Trạng (chết) với giá 01 chỉ vàng và sử dụng từ trước năm 1990, sau đó đến năm 2006 bà kê khai đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quá trình sử dụng đất trước đây giữa thửa đất 267 và thửa đất 268 của bà Nguyễn Thị Ch có ranh đất là các cây trồng trên đất do gia đình của bà Ch như sau: Hàng cây hoa Dâm bụt chạy dài từ phía trước ra phía sau, ở phía trước giáp lộ nông thôn có 01 cây Gòn làm ranh, ở đoạn giữa hai thửa đất là hàng cây hoa dâm bụt và có 02 cây gòn, còn ở phía sau là cây Dầu để làm ranh đất với nhau. Vào năm 2006, khi bà H làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì cán bộ địa chính phường Tân L có đến đo đạc xác định ranh đất giữa các bên thì chồng bà Ch là ông Nguyễn Văn P có đứng ra chỉ ranh đất giữa các bên và sau đó các bên đã thống nhất cắm 01 trụ ranh đá ở đầu trong ngay cây dầu do ông Sáng trồng, 01 trụ đá đầu ngoài giáp lộ nông thôn là trụ đá gia đình bà H trồng làm hàng rào hiện nay giáp hàng rào gia đình bà Ch vàhiện nay vẫn còn hai trụ ranh đá này.

Đối với lối đi bằng xi măng trên phần tranh chấp ở giữa hai thửa đất là do gia đình bà Ch xây dựng khi đó gia đình bà H cũng có biết, nhưng do thấy không sử dụng phần lối đi này nên bà H không có khiếu nại hay tranh chấp gì và hiện nay phần lối đi bằng xi măng trên đất tranh chấp là do gia đình bà Ch quản lý sử dụng, còn đoạn từ lối đi bằng xi măng ra phía trước lộ nông thôn trên đất tranh chấp hiện nay do gia đình bà H quản lý sử dụng.

Nay qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn bà H trả cho nguyên đơn diện tích đất tranh chấp 12.2m^2 tại thửa đất số 268 thì bị đơn không đồng ý, lý do đất bị đơn được cấp tới đâu thì bị đơn sử dụng đến đó và hiện nay giữa hai thửa đất vẫn còn hai trụ đá các bên đã cắm làm ranh vào năm 2006 cho đến nay. Mặc khác, qua đo đạc đất của bị đơn thiếu so với giấy được cấp nên bị đơn không có lấn chiếm đất của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn P có đại diện theo ủy quyền bà Hồ Thị Thu Tr trình bày:

Ông là chồng của bà Nguyễn Thị Ch. Nguồn gốc thửa đất số 268 trước đây là của cha mẹ ông P tặng cho lại cho ông sử dụng. Sau đó, đến năm 2013 ông tặng cho phần đất này lại cho vợ là bà Nguyễn Thị Ch nên bà Ch được Ủy ban nhân dân quận Thốt Nốt cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH02027 ngày 22/4/2013. Quá trình sử dụng đất tiếp giáp thửa đất số 268 của gia đình ông là thửa đất số 267 của gia đình bà Trần Thị H. Trước đây, cha tôi là ông Nguyễn Văn S (đã chết) có trồng hàng cây hoa dâm bụt từ trước ra phía sau giữa hai thửa đất số 268 và 267 để làm ranh đất với nhau. Đến năm 2006, khi bà H làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất thì giữa ông và bà H đã thống nhất xuống 02 trụ đá phía trước và phía sau để làm ranh đất với nhau và hiện nay vẫn còn 02 trụ đá này, 01 trụ ở phía sau nhà, 01 trụ đá phía trước giáp lộ nông thôn *(nay là trụ đá gia đình bà H trồng làm hàng rào, vị trí trụ đá là điểm bà Ch đã chỉ ranh đất cho đoàn đo đạc)*. Tuy nhiên, quá trình sử dụng đất khoảng 05 năm trở lại đây phía gia đình bà H tự ý trồng thêm 01 trụ đá phía trước (*nay là trụ đá gia đình bà H trồng làm hàng rào giáp hàng rào gia đình ông, vị trí trụ đá là điểm ông C đã chỉ ranh đất cho đoàn đo đạc)* lấn qua đất của gia đình ông nên các bên P sinh tranh chấp. Do thửa đất 268 ông đã tặng cho lại vợ là bà Nguyễn Thị Ch đứng tên chủ sử dụng nên bà Ch có toàn quyền quyết định đối với việc giải quyết vụ án, ông không có ý kiến gì khác.

Qua trình thu thập chứng cứ, Tòa án có tiến hành xác minh để làm rõ nguyên nhân sự chênh lệch diện tích thực tế so với diện tích trong giấy được cấp cho các đương sựthì Ủy ban nhân dân quận Thốt Nốt đã có ý kiến tại Công văn số 1616/UBND-NC ngày 01 tháng 6 năm 2021 về việc phối hợp phúc đáp các hồ sơ của Tòa án nhân dân quận. Do vậy, Tòa án nhân dân quận căn cứ vào Công văn số 1616/UBND-NC ngày 01 tháng 6 năm 2021 nêu trên để thực hiện.

Ngày 06/10/2021 Tòa án tiến hành lập Biên bản xác minh đối với Công chức địa chính phường Tân L để xác định nguyên định nguyên nhân diện tích các thửa đất qua đo đạc đều giảm so với giấy được cấp thì được biết: " *Trước đây tại địa phương cán bộ đo đạc xác định ranh chưa chính xác và thời điểm đo đạc thì kỹ thuật, việc tính diện tích còn thực hiện bằng phương pháp thủ công so với hiện nay việc đo đạc bằng máy móc hiện đại, việc tính diện tích bằng phần mềm máy tính nên có sự chênh lệch là hoàn toàn khách quan"*.

Theo yêu cầu của đương sự Tòa án tiến hành xem xét đo đạc, thẩm định tại chổ xác định phần đất tranh chấp có diện tích 12,2m^2 (ký hiệu A) thể hiện tại Bản trích đo địa chính số 90/TTKTTNMT ngày 10/6/2021 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Tp. Cần Thơ thực hiện và trên đất tranh chấp có tài sản của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ch như sau: 01 phần mái che của nhà mộ có kết cấu: Mái tole, khung sắt tiền chế, có diện tích: 0,5m x 3m = 1,5m^2 chia 2 thành diện tích 0,75m^2.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 44/2022/DSST ngày 17 tháng 5 năm 2022, Tòa án nhân dân quận quận Thốt Nốt đã tuyên xử:

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Ch.

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Trần Thị H về việc công nhận cho bà được quyền sử dụng phần đất có diện tích 12,2m^2 (ký hiệu A) thuộc thửa đất 267 do bà đứng tên chủ sử dụng vì chưa đủ cơ sở.

1/ Công nhận cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ch được quyền sử dụng phần đất có diện tích 12,2m^2 (ký hiệu A) thuộc thửa đất 268, loại đất ODT, tờ bản đồ số 04 do bà Nguyễn Thị Ch đứng tên chủ sử dụng đất trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02027 được Ủy ban nhân dân quận Thốt Nốt cấp ngày

22/4/2013, đất tọa lạc tại khu vực Phước L, phường Tân L, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

Buộc bị đơn bà Trần Thị H phải có trách nhiệm giao trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ch phần đất có diện tích 12,2m^2 (ký hiệu A) thuộc thửa đất 268, hiện phần đất do bà H đang quản lý.

Vị trí, kích thước các cạnh phần đất nêu trên được xác định Bản trích đo địa chính số 90/TTKTTNMT của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Tp. Cần Thơ, lập ngày 10/6/2021 (*Đính kèm*).

2/ *Về chi phí tố tụng:* Chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chổ và định giá tài sản với số tiền 7.000.000 đồng. Bị đơn bà Trần Thị H phải nộp số tiền 7.000.000đồng để trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ch.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm bị đơn bà Trần Thị H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, bị đơn không đồng ý giao 12,2 m^2 . Bà H cho rằng phần diện tích 12,2m^2 tranh chấp này là đất thuộc thửa số 267 là của bị đơn, nên bị đơn không đồng ý trả lại đất theo yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án cụ thể như sau:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ch đồng ý nhận 4.5 m^2 phần đất tại vị trí A, theo bản trích đo địa chính số 90/TTKTTNMT của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ, lập ngày 10/6/2022.

Bị đơn bà Trần Thị H đồng ý nhận 7.5 m^2 phần đất tại vị trí A, theo bản trích đo địa chính số 90/TTKTTNMT của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ, lập ngày 10/6/2022.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tại phiên tòa:

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tại phiên tòa: Hoạt động tố tụng của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, tại phiên tòa các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận. Việc thỏa thuận là phù hợp quy định của pháp luật nên đề nghị Tòa án áp dụng Điều 300 và khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

[2] Nhận định của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa các đương sự đã thỏa thuận được toàn bộ các vấn đề tranh chấp trong vụ án. Việc thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự với các nội dung nêu trên.

[3] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về chi phí thẩm định: Nguyên đơn nộp tạm ứng 7.000.000đồng ở cấp sơ thẩm và bị đơn nộp 3.850.000đồng. Tổng cộng nguyên đơn và bị đơn nộp tạm ứng chi phí thẩm định là 10.850.000đồng.

Nguyên đơn và bị đơn thống nhất mỗi bên chịu ½ chi phí thẩm định là 5.425.000đồng. Do bị đơn mới chỉ nộp 3.850.000đồng, nên buộc bị đơn trả lại cho nguyên đơn số tiền 1.575.000đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Trần Thị H được miễn toàn bộ án phí dân sự do bà thuộc trường hợp người cao tuổi theo quy định Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn kháng cáo được chấp nhận một phần nên bị đơn không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 300 và khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Trần Thị H. Sửa bản án sơ thẩm. Công nhận sự thỏa thuận các đương sự như sau:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ch được quyền sử dụng phần đất có diện tích 4.7m^{2}phần đất tranh chấp (ký hiệu A) theo bản trích đo địa chính số 90/TTKTTNMT của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ, lập ngày 10/6/2022 chiều ngang phía trước (đường giao thông nông thôn) là 0.38 m kéo dài đến điểm 0 phía sau (điểm không tranh chấp phía sau) tại vị trí A, loại đất ODT, tờ bản đồ số 04, giáp với thửa đất 267, tờ bản đồ số 04 do bà Nguyễn Thị Ch đứng tên chủ sử dụng đất trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02027 được Ủy ban nhân dân quận Thốt Nốt cấp ngày 22/4/2013, đất tọa lạc tại khu vực Phước L, phường Tân L, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn bà Trần Thị H được quyền sử dụng phần đất có diện tích 7.5m^2 phần đất tranh chấp(ký hiệu A) theo bản trích đo địa chính số 90/TTKTTNMT của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ, lập ngày 10/6/2022 chiều ngang phía trước(đường giao thông nông thôn) 0.6 mét kéo dài đến điểm 0 phía sau(điểm không tranh chấp) phần đất tranh chấp(vị trí A) loại đất

ODT, giáp với thửa đất 268, tờ bản đồ số 04 do bà Trần Thị H đứng tên chủ sử dụng đất trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01072 được Ủy ban nhân dân quận Thốt Nốt cấp ngày 09/10/2006, đất tọa lạc tại khu vực Phước L, phường Tân L, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

Vị trí, kích thước các cạnh phần đất nêu trên được xác định Bản trích đo địa chính số 90/TTKTTNMT của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Tp. Cần Thơ, lập ngày 10/6/2021(*Đính kèm*).

2/ *Về chi phí tố tụng:* Bà Trần Thị H phải trả chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chổ và định giá cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ch số tiền 1.575.000đồng.

3/ *Về án phí dân sự sơ thẩm*:

Bị đơn bà Trần Thị H được miễn toàn bộ án phí dân sự do bà thuộc trường hợp người cao tuổi theo quy định Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ch được nhận số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà đã nộp Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ theo Biên lai thu tiền số 002569, ngày 20/01/2021.

4/ Về án phí phúc thẩm: Bị đơn không phải chịu án phí phúc thẩm.

5/ *Về quyền và nghĩa vụ thi hành án:* Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND.TPCT;
- TAND quận Thốt Nốt;
- THADS quận Thốt Nốt;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Bùi Thanh Quốc